

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 20-01-2020

V/v: “Tranh chấp ly hôn giữa chị Vũ Thị

Phương T và anh Nguyễn Văn T”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Nguyễn Thị Hải Lý

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Nghĩa.

2. Bà Nguyễn Thị Nhiều.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tho - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 239/2019/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2019 về “*Tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2019/QĐXX - ST ngày 31 tháng 12 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2020/QĐST- HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vũ Thị Phương T, sinh năm 1980.

Nơi ĐKKHKT: thôn P, xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình;

Địa chỉ: Tổ x, Bãi than M, đường T, phường M, Thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình.

(Chị T có mặt; anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/12/2019, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Vũ Thị Phương T trình bày:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn tự nguyện, có tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình vào ngày 14/11/2000. Sau kết hôn vợ chồng chung sống không được hòa thuận. Nguyên nhân do anh chị luôn bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung. Anh T là người sống thiếu trách nhiệm với gia đình. Mỗi lần vợ chồng mâu thuẫn, anh Thủy lại đánh đập chị. Chị cũng đã cho anh T cơ hội và nhờ gia đình nhà anh T can thiệp nhưng không có kết quả. Từ ngày 15/2/2019 anh chị sống mỗi người một nơi, không quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm giữa chị và anh T không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

1.2. Về quan hệ con chung: Chị và anh T có 02 con chung là Nguyễn Tùng D, sinh ngày 22/11/2001 và con Nguyễn Vũ T, sinh ngày 11/8/2006. Ly hôn, vì con D đã trưởng thành và tự lập được về kinh tế nên chị không đề nghị tòa án giải quyết. Chị có nguyện vọng được nuôi con nhỏ là Nguyễn Vũ T, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng.

1.3. Về quan hệ tài sản: Chị và anh T không có tài sản gì chung; không vay nợ chung và không cho ai vay nợ chung tài sản gì. Ruộng cấy không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Nguyễn Văn T nhiều lần nhưng anh T không có mặt tại Tòa án để nộp bản tự khai và trình bày quan điểm của mình đối với yêu cầu của chị T. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, anh Thủy cũng vắng mặt không lý do. Vì vậy, anh T không thể hiện quan điểm của mình trong vụ án.

3. Tại biên bản lấy lời khai của người làm chứng là ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1940. Địa chỉ: thôn P, xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình (là bố đẻ anh Nguyễn Văn T) thể hiện:

Về thời gian, điều kiện kết hôn, thời điểm và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh T đúng như chị T trình bày. Nay chị T làm đơn xin ly hôn anh T, bản thân ông mong muốn anh chị đoàn tụ nhưng gia đình ông cũng đã động viên, khuyên bảo chị T nhưng chị T vẫn không thay đổi quyết định của mình. Vì vậy ông đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị

T. Anh T rất bận mải, không thể về tòa án để giải quyết việc ly hôn của anh chị nhưng anh T cũng nói lại với ông là đồng ý ly hôn với chị T; Về quan hệ con chung: Cháu D đã trưởng thành và tự lập được về kinh tế nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Ông đề nghị Tòa án giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu T vì hiện tại cháu đang ở với chị T, chị T chăm sóc rất tốt cho cháu T, còn anh T đi làm ăn nay đây mai đó, nên không có điều kiện chăm sóc cho cháu T. Về quan hệ tài sản: Ông T cũng trình bày như lời trình bày của chị T.

4. Về việc thông báo các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho anh T, ông T trình bày: Anh T hiện đi làm ăn xa nhà nên không về Tòa án làm việc được. Các văn bản tố tụng mà Tòa án giao cho anh T, ông đã nhận đầy đủ và thông báo ngay cho anh T sau mỗi lần nhận được văn bản của Tòa án. Anh T cũng đã biết việc Tòa án nhân dân huyện V thụ lý giải quyết vụ án hôn nhân gia đình giữa anh và chị T nhưng vì công việc bận mải, anh T không về giải quyết được, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

5. Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, đại diện UBND xã cung cấp như sau: Quá trình chung sống, vợ chồng chị T, anh T xảy ra mâu thuẫn như thế nào và nguyên nhân do đâu, địa phương không nắm được cụ thể nhưng anh T là người sống vi phạm pháp luật. Nay chị T xin ly hôn anh T, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Đề nghị Tòa án xem xét giao con chung theo nguyện vọng của hai bên. Về tài sản: Địa phương cũng cung cấp như lời trình bày của chị T.

**** Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V phát biểu quan điểm:***

1. Về tố tụng: Thẩm phán và HĐXX, nguyên đơn thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì.

2. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 đề nghị:

- Quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị Phương T được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

- Quan hệ con chung: Con Nguyễn Tùng D, sinh ngày 22/11/2001 đã trưởng thành và tự lập được về kinh tế nên không đặt ra giải quyết. Xử giao cho

chị T trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Vũ T, sinh ngày 11/8/2006. Chị T không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Vũ T.

- Quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

- Án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung:

[1] Quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị Phương T và anh Nguyễn Văn T đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình ngày 14/11/2000 là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nhưng anh chị không thông cảm, bỏ qua cho nhau và cũng không có biện pháp phù hợp để cải thiện tình cảm vợ chồng nên mâu thuẫn giữa anh chị ngày càng trở nên trầm trọng. Bản thân anh Thủy cũng từng vi phạm pháp luật. Hiện anh chị sống ly thân, mỗi người một nơi, không quan tâm đến nhau từ ngày 15/02/2019.

Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, anh T đã được triệu tập nhiều lần nhưng anh T không đến Tòa án làm việc, cũng không thể hiện quan điểm của anh T đối với yêu cầu của chị T. Điều này chứng tỏ anh T không thực sự mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

Qua xác minh tại UBND xã H và lấy lời khai của đại diện gia đình anh T cũng thể hiện: Giữa chị T và anh T có xảy ra mâu thuẫn nhưng anh chị không tìm được biện pháp gì để giải quyết mâu thuẫn.

Xét thực trạng quan hệ vợ chồng của chị T và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định xử cho chị Vũ Thị Phương T được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

[2]. Quan hệ con chung: Chị Vũ Thị Phương T và anh Nguyễn Văn T có 02 con chung. Con Nguyễn Tùng D, sinh ngày 22/11/2001 đã trưởng thành và tự lập được về kinh tế nên không đặt ra giải quyết. Chị T có nguyện vọng được nuôi con Nguyễn Vũ T, sinh ngày 11/8/2006 và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét điều kiện hiện tại của chị T thì thấy: Chị T có công việc và có thu nhập. Cháu T hiện đang sinh sống ổn định với chị T. Anh T đi làm ăn xa, thỉnh thoảng mới về nhà nên không có điều kiện về thời gian để chăm lo cho con. Mặt khác cháu Nguyễn Vũ T cũng có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung cần căn cứ vào điều 81, 82, 83, 84 - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cho chị T nuôi dưỡng con Nguyễn Vũ T là phù hợp. Anh Thủy có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Chị T, anh T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con được đặt ra khi cần thiết.

[3]. Quan hệ tài sản: Do chị T không có yêu cầu, anh T không có lời trình bày nên không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T phải chịu 300.000 đồng.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điều 39 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 ; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 - Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án:

1. Quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị Phương T được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Quan hệ con chung: Con Nguyễn Tùng D, sinh ngày 22/11/2001 đã trưởng thành và tự lập được về kinh tế nên không đặt ra giải quyết; Xử giao cho chị Vũ Thị Phương T trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Vũ T, sinh ngày 11/8/2006. Chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Vũ T. Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Chị T, anh T

có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con được đặt ra khi cần thiết.

3. Quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Án phí: Chị Vũ Thị Phương T phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000đồng chị T đã nộp tại biên lai số 0003654 ngày 06/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V thành tiền án phí.

Án tuyên công khai sơ thẩm, có mặt chị Vũ Thị Phương T, vắng mặt anh Nguyễn Văn T. Chị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 20/01/2020. Anh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận :

- VKS nhân dân huyện V;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện V;
- Các đương sự;
- UBND xã H, huyện V;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu HCTP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)